

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC BIỂU MẪU CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH NỘI VỤ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BNV ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
<b>1. TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH</b>						
1	0101.N/BNV-TCHC	Số đơn vị hành chính	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
2	0102a.N/BNV-TCHC	Số tổ chức hành chính trong các cơ quan nhà nước ở Trung ương	Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và trực tiếp chỉ đạo, quản lý.	Vụ Tổ chức – Biên chế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
3	0102b.N/BNV-TCHC	Số tổ chức hành chính trong các cơ quan nhà nước ở địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tổ chức – Biên chế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
4	0103.N/BNV-TCHC	Số lượng thôn, tổ dân phố	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
<b>2. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>						
5	0201.K/BNV-CBCCVC	Số đại biểu hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Nhiệm kỳ	Đầu mỗi nhiệm kỳ (sau 20 ngày công bố kết quả cấp tỉnh)
6	0202a.N/BNV-CBCCVC	Số lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước Trung ương	Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
7	0202b.N/BNV-CBCCVC	Số lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
8	0203.N/BNV-CBCCVC	Số lượng cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên	* Các cơ quan, đơn vị ở Trung ương: - Ban Tổ chức Trung ương, - Tổ chức chính trị-xã hội ở Trung ương; - Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước; - Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập;	Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
			(sau đây gọi là cơ quan quản lý công chức ở Trung ương). * Các cơ quan, đơn vị ở địa phương: - Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương. (số liệu ở địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).			
9	0204a.N/BNV-CBCCVC	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
10	0204b.N/BNV-CBCCVC	Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
11	0205a.N/BNV-CBCCVC	Thu nhập bình quân cán bộ, công chức khối Trung ương	Cơ quan quản lý công chức ở Trung ương; - Văn phòng Chủ tịch nước, Văn	Vụ Tiền lương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
			phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập;			
12	0205b.N/BNV-CBCCVC	Thu nhập bình quân cán bộ, công chức khối địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tiền lương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
13	0206a.N/BNV-CBCCVC	Số lượng viên chức (Lĩnh vực y tế)	* Ở Trung ương - Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập;			
14	0206b.N/BNV-CBCCVC	Số lượng viên chức (Lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ, khoa học xã hội, văn hoá, thể thao và du lịch và lĩnh vực khác)	* Ở địa phương - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
15	0207a.N/BNV-CBCCVC	Số lượng cán bộ được đánh giá, xếp loại chất lượng	Cơ quan quản lý công chức ở Trung ương; Cơ quan thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
16	0207b.N/BNV-CBCCVC	Số lượng công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
17	0207c.N/BNV-CBCCVC	Số lượng viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
18	0208a.N/BNV-CBCCVC	Số lượng cán bộ bị kỷ luật		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
19	0208b.N/BNV-CBCCVC	Số lượng công chức bị kỷ luật		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
20	0208c.N/BNV-CBCCVC	Số lượng viên chức bị kỷ luật		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
21	0209a.N/BNV-CBCCVC	Số lượ cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên được đào tạo, bồi dưỡng trong nước		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
22	0209b.N/BNV-CBCCVC	Số lượ cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trong nước		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
23	0209c.N/BNV-CBCCVC	Số lượ viên chức được đào tạo, bồi dưỡng trong nước		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
24	0209d.N/BNV-CBCCVC	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài		Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
<b>3. THANH TRA NGÀNH NỘI VỤ</b>						
25	0301.N/BNV-TTB	Số cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành Nội vụ	- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ); - Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương; - Ban Tôn giáo Chính phủ.	Thanh tra Bộ Nội vụ	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
26	0302.N/BNV-TTB	Số lượng giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về ngành Nội vụ		Thanh tra Bộ Nội vụ	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
27	0303.N/BNV-TTB	Số lượt tiếp công dân liên quan đến ngành Nội vụ		Thanh tra Bộ Nội vụ	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
<b>4. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC NỘI VỤ</b>						
28	0401.N/BNV-HTQT	Số đoàn ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát về lĩnh vực Nội vụ	- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ); - Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nội vụ.	Vụ Hợp tác quốc tế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
29	0402.N/BNV-HTQT	Số đoàn của nước ngoài, tổ chức quốc tế vào nghiên cứu, khảo sát, giới thiệu về lĩnh vực Nội vụ tại Việt Nam		Vụ Hợp tác quốc tế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
<b>5. HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ</b>						
30	0501.N/BNV-HTCPCP	Số lượng hội, tổ chức phi chính phủ	- Vụ Tổ chức phi chính phủ - Bộ Nội vụ	Vụ Tổ chức phi chính phủ	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
31	0502.N/BNV-HTCPCP	Số lượng các quỹ xã hội, quỹ từ thiện	- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).			
<b>6. THI ĐUA, KHEN THƯỞNG</b>						
32	0601.N/BNV-TĐKT	Số phong trào thi đua	Vụ (phòng, ban) Thi đua, Khen thưởng các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương	Năm	Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo
33	0602.N/BNV-TĐKT	Số lượng khen thưởng cấp nhà nước			Năm	Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo
34	0603.N/BNV-TĐKT	Số lượng khen thưởng cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			Năm	Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo
35	0604.N/BNV-TĐKT	Số lượng tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			Năm	Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo
36	0605.N/BNV-TĐKT	Số lượng công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			Năm	Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
<b>7. TÔN GIÁO</b>						
37	0701.N/BNV-TG	Số tôn giáo, số tổ chức tôn giáo, số tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, số tổ chức tôn giáo trực thuộc	- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ); - Ban Tôn giáo Chính phủ.	Ban Tôn giáo Chính phủ	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
38	0702.N/BNV-TG	Số chức sắc, chức việc, tín đồ, cơ sở tôn giáo			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
<b>8. VĂN THƯ – LƯU TRỮ</b>						
39	0801.N/BNV-VTLT	Số lượng văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ công tác văn thư - lưu trữ	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng TW Đảng; các Trung tâm Lưu trữ quốc gia; Kiểm toán Nhà nước; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Doanh nghiệp nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Cục Văn thư và lưu trữ nhà nước	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
40	0802.N/BNV-VTLT	Số tổ chức văn thư			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
41	0803.N/BNV-VTLT	Số nhân sự làm công tác văn thư			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
42	0804.N/BNV-VTLT	Số lượng văn bản			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
43	0805.N/BNV-VTLT	Số lượng hồ sơ			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
44	0806.N/BNV-VTLT	Số tổ chức lưu trữ			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
45	0807.N/BNV-VTLT	Số nhân sự làm công tác lưu trữ			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau



STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
46	0808.N/BNV-VTLT	Số tài liệu lưu trữ			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
47	0809.N/BNV-VTLT	Số tài liệu lưu trữ thu thập			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
48	0810.N/BNV-VTLT	Số tài liệu lưu trữ đưa ra sử dụng			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
49	0811.N/BNV-VTLT	Diện tích kho lưu trữ và Số trang thiết bị dùng cho lưu trữ			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
50	0812.N/BNV-VTLT	Kinh phí cho hoạt động lưu trữ			Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
<b>9. BIỂU MẪU PHỤC VỤ THU THẬP CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA</b>						
51	0213a.N/BNV-QG	Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước trung ương có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Bộ Nội vụ tính toán từ: - Biểu số 0202a.N/BNV-CBCCVC: Số lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước Trung ương (Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ)	Vụ Công tác thanh niên	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
52	0213b.N/BNV-QG	Tỷ lệ cơ quan chính quyền địa phương có lãnh đạo chủ chốt là nữ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Công tác thanh niên	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
53	0302a.K/BNV-QG	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính cấp Trung ương	Bộ Nội vụ tổng hợp từ kết quả của điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp	Vụ Kế hoạch – Tài chính	5 Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau năm điều tra
54	0302b.K/BNV-QG	Số cơ sở, lao động trong các cơ sở hành chính cấp địa phương				

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
55	0302c.K/BNV-QG	Số đơn vị, lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập				
<b>10. BIỂU MẪU THUỘC BỘ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM (SDG)</b>						
56	001.2N/SDG-BNV	Tỷ lệ người phải trả chi phí không chính thức khi sử dụng dịch vụ công	Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ tổng hợp từ kết quả điều tra	Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ	2 Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau năm điều tra
57	002.2N/SDG-BNV	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức khi sử dụng dịch vụ công	Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ tổng hợp từ kết quả điều tra	Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ	2 Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau năm điều tra
58	003.N/SDG-BNV	Tỷ lệ dân số hài lòng về dịch vụ công trong lần gần đây nhất	Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ tổng hợp từ kết quả điều tra	Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau năm điều tra
<b>11. BIỂU MẪU TỔNG HỢP</b>						
59	01TH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo tổng hợp số lượng cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên	- Cơ quan quản lý công chức ở Trung ương - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.	Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
60	02TH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo tổng hợp số lượng cán bộ, công chức cấp xã	- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ) chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
61	03aTH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo tổng hợp số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức (Lĩnh vực y tế)	a) Ở Trung ương - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; - Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. b) Ở địa phương Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Công chức – Viên chức	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
62	03bTH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo tổng hợp số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức (Lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ, khoa học xã hội, văn hoá, thể thao và du lịch và lĩnh vực khác)	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).		Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
63	04TH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo danh sách và tiền lương cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên	- Cơ quan quản lý công chức ở Trung ương. - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tiền lương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
64	05TH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo danh sách và tiền lương cán bộ, công chức cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tiền lương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
65	06TH.N/BNV-CBCCVC	Báo cáo danh sách và tiền lương viên chức	a) Ở Trung ương - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; - Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. b) Ở địa phương Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tiền lương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
66	07TH.N/BNV-TCBC	Tổng hợp số lượng vị trí việc làm cán bộ, công chức của các bộ, ngành	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập.	Vụ Tổ chức – Biên chế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
67	08TH.N/BNV-TCBC	Tổng hợp số lượng vị trí việc làm cán bộ, công chức của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tổ chức – Biên chế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Đơn vị thu thập, tổng hợp, báo cáo	Đơn vị của Bộ Nội vụ phê duyệt, nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	2	3	4	5	6	7
68	09TH.N/BNV-TCBC	Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế của bộ, ngành, địa phương	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Tổ chức – Biên chế	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
69	10TH.N/BNV-CQĐP	Kết quả sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau
70	11TH.N/BNV-CQĐP	Số lượng cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính và kết quả giải quyết	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Nội vụ).	Vụ Chính quyền địa phương	Năm	Ngày 15 tháng 3 năm sau